

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/DS-ST
Ngày: 22-02-2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Ân
- Bà Trần Thị Nga

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Đ, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số B9/2 ấp X, xã Y, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Bà Ngô Ngọc U, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số E8/241 ấp M, xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Ngô Thị Đ trình bày:

Vào ngày 20/7/2020, bà Đ và bà Ngô Ngọc U có ký Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Bình Hưng với số tiền vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); thời hạn đến ngày 05/01/2021 và mức lãi suất các bên thỏa thuận là

1,5%/tháng. Tuy nhiên, kể từ khi nhận tiền cho đến nay, bà U đã không trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà Đ và đã nhiều lần liên hệ nhưng bà U vẫn hứa hẹn, không có thiện chí trả nợ.

Nay do thời gian đã lâu, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Ngọc U có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ như sau:

- + Số tiền gốc: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);
- + Số tiền lãi trong hạn: $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 45.000.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi lăm triệu đồng);
- + Số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 06/01/2021 đến ngày 06/10/2023: $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 33 \text{ tháng} = 275.550.000 \text{ đồng}$ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng cộng là 820.550.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với bị đơn bà Ngô Ngọc U: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng bà U vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Tuy nhiên, còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì xét thấy nguyên đơn bà Ngô Thị Đ và bị đơn bà Ngô Ngọc U có ký hợp đồng vay tài sản; do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Ngô Ngọc U trả số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản mà các bên

đã ký; bị đơn hiện cư trú tại xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng vay tài sản ngày 20/7/2020 lập tại Văn phòng Công chứng Bình Hưng thì bà Ngô Thị Đ và bà Ngô Ngọc U có ký kết với nhau về việc vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Nguyên đơn bà Ngô Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Ngô Ngọc U trả lại số tiền bao gồm tiền gốc và tiền lãi, tổng cộng là 820.550.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo Hợp đồng vay tài sản ngày 20/7/2020; mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Bà Ngô Ngọc U có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Đ số tiền còn nợ tổng cộng là 820.550.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); bao gồm: số tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 320.550.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Ngô Ngọc U chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.616.500 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị Đ số tiền 18.308.250 đồng (Mười tám triệu ba trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0019839 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khương

